

MỘT SỐ YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI NHU CẦU HỌC TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ TẠI CÁC CƠ SỞ ĐÀO TẠO Ở HÀ NỘI

 NGUYỄN THỊ THU*

Ngày nhận: 22/10/2018

Ngày phản biện: 22/11/2018

Ngày duyệt đăng: 24/12/2018

Tóm tắt: Bài viết đề cập một số yếu tố ảnh hưởng tới nhu cầu học tiếng Anh chuyên ngành kinh tế tại các cơ sở đào tạo ở Hà Nội. Bên cạnh đòi hỏi chất lượng nhân lực ngày càng cao của xã hội thông qua năng lực Ngoại ngữ, chất lượng của đội ngũ giáo viên, chương trình đào tạo, cơ sở vật chất và học phí cũng là những yếu tố tác động trực tiếp đến người học.

Từ khóa: Yếu tố, tiếng Anh chuyên ngành, cơ sở đào tạo, chương trình đào tạo

SOME FACTORS AFFECT THE NEEDS OF ENGLISH FOR SPECIFIC PURPOSES (ESP) LEARNING IN TRAINING INSTITUTIONS IN HANOI

Abstract: This article referred to some factors affecting the needs of English for Specific Purposes (ESP) learning in training institutions in Ha Noi. Besides high demand of society on quality of human resources through the ability of foreign languages, the quality of Teaching Staff, ESP Curriculum, Facilities and Tuition Fees are also directedly affected Learners.

Keywords: Factors, English for Specific Purposes, Training Institutions, Curriculum.

1. Đặt vấn đề

Bài viết dựa trên kết quả nghiên cứu “Những yếu tố tác động tới nhu cầu học tiếng Anh chuyên ngành tại các cơ sở đào tạo ở Hà Nội” của tác giả. Nghiên cứu sử dụng thang đo Likert và phương pháp mô tả, học viên được lựa chọn ngẫu nhiên, dữ liệu thu thập được phân tích thông qua tần suất và tỷ lệ phần trăm, weighted mean như công cụ thống kê. Để phục vụ cho đề tài, tác giả đã phát phiếu hỏi cho 394 học viên trong đó 252 học viên đang theo học tại các trường Đại học Công đoàn, Học viện Ngân hàng, Đại học Kinh doanh và Công nghệ và Đại học Kinh tế Quốc dân và 142 học viên đang theo học tại trung tâm tiếng Anh ACET và Apollo English. Thông qua đề tài nghiên cứu, tác giả mong muốn nhân rộng các khóa học có chất lượng cao hơn giúp người học đạt được mục tiêu học tập, công việc và nhu cầu của nhà tuyển dụng.

Tiếng Anh chuyên ngành (ESP) đã được biết đến từ những năm 1960 trên thế giới như một khóa học được thiết kế để đáp ứng mục đích cụ thể của người học trong việc thực hiện các hoạt động liên quan đến chuyên môn cụ thể (Momtazur, 2015). ESP hiện đang được dạy tại nhiều trường Đại học như một môn học bắt buộc với mục đích đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của học viên trong các lĩnh vực

học tập khác nhau (Bracaj, 2014, p.40), nâng cao trình độ tiếng Anh và năng lực của nhân viên thuộc các tập đoàn quốc tế trong các lĩnh vực chuyên môn khác nhau. Vì vậy, người học ESP thường là những học viên đã học tiếng Anh cơ bản và mong muốn đáp ứng đòi hỏi của nghề nghiệp tương lai hoặc tìm kiếm cơ hội việc làm tốt hơn. Ở Việt Nam, do sự hội nhập kinh tế toàn cầu và khả năng cạnh tranh mạnh mẽ của nguồn nhân lực thông qua năng lực sử dụng tiếng Anh, việc học tiếng Anh chuyên ngành kinh tế là một xu hướng rất phổ biến hiện nay và nhận được rất nhiều sự quan tâm và tham gia của học viên.

2. Nhu cầu học tiếng Anh chuyên ngành kinh tế tại các cơ sở đào tạo ở Hà Nội

Hà Nội được biết đến với nhiều công ty nước ngoài và các tập đoàn kinh tế có nhu cầu lớn đội ngũ nhân viên giỏi tiếng Anh để có thể giải quyết các tình huống kinh doanh trong công việc hàng ngày bằng tiếng Anh. Do đó, nhu cầu học ESP ở Hà Nội rất cao, với 57 trường đại học, 31 trường cao đẳng, 29 học viện (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2017) và nhiều trung tâm tiếng Anh. Tuy nhiên, việc dạy và học tiếng Anh chuyên ngành kinh tế chưa đạt hiệu quả cao. Mặc dù sinh viên được học ESP tại các trường đại

* Trường Đại học Công đoàn

học nhưng sau khi tốt nghiệp, rất ít em có thể sử dụng kiến thức ESP trong công việc như đọc tài liệu, viết báo cáo, khiếu nại, giao tiếp hoặc tham dự các hội thảo quốc tế. Đặc biệt là nhiều sinh viên không đáp ứng yêu cầu của nhà tuyển dụng và ảnh hưởng lớn đến chất lượng của lực lượng lao động. Theo thống kê hiện nay, số lượng cơ sở dạy ngoại ngữ tăng theo từng năm và chiếm hơn 40% tổng số các cơ sở dạy văn hóa ngoài giờ của cả nước, các trung tâm, loại hình giảng dạy ngoại ngữ cũng tăng đáng kể, tổng số học viên học ngoại ngữ chiếm gần 70% lượt người tham gia học các loại hình văn hóa ngoài giờ. Điều này cho thấy nhu cầu học và dạy ngoại ngữ ngày một tăng nhanh.

Thách thức lớn nhất của đất nước ta hiện nay là vấn đề sử dụng tiếng Anh. Lao động Việt Nam hầu hết yếu về kỹ năng mềm và kỹ năng ngoại ngữ, trong khi đây là những yêu cầu quan trọng khi Việt Nam gia nhập Cộng đồng kinh tế ASEAN do tiếng Anh được chọn là ngôn ngữ chính. Để đáp ứng được đòi hỏi ngày càng cao về năng lực sử dụng tiếng Anh trong công việc hiện nay tại Việt Nam, tiếng Anh chuyên ngành kinh tế đã được giảng dạy từ rất sớm cũng như nhiều người trẻ đã nhận thức được tầm quan trọng của nó vì những lý do như tìm được một công việc chất lượng cao, giao tiếp với thế giới bên ngoài, tiếp cận những nguồn khoa học mà mình đang theo đuổi. Đó cũng là lý do tại sao nhiều trường đại học, cao đẳng hiện nay tiến hành giảng dạy các chuyên ngành bằng tiếng Anh cũng như quy định chuẩn đầu ra ngoại ngữ (phổ biến là tiếng Anh) cho sinh viên tốt nghiệp ra trường, với mong muốn giúp cho học viên có nhiều cơ hội làm việc tại các công ty nước ngoài với mức lương cao và có thể thăng tiến nhanh hơn trong công việc, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động hiện nay.

3. Một số yếu tố ảnh hưởng tới nhu cầu học tiếng Anh chuyên ngành kinh tế tại các cơ sở đào tạo ở Hà Nội

3.1. Chất lượng của đội ngũ giảng viên

Học viên đến từ các cơ sở đào tạo công lập (các trường đại học) đánh giá đội ngũ giáo viên với điểm cao nhất là mục A2 với giá trị là 3.62 (very good) liên quan đến các giáo viên tiếng Anh chuyên ngành (TACN) của các cơ sở công lập đều đã trải qua các khóa đào tạo ESP. Điều này phù hợp vì theo quy định của các cơ sở đào tạo giáo viên giảng dạy chuyên ngành nào phải được đào tạo về chuyên ngành đó. Tuy nhiên, người học lại đánh giá mục A7 sự "tận tâm, nhiệt huyết trong giảng

Bảng 1. Đánh giá của học viên về đội ngũ giảng viên

A. Đội ngũ giảng viên	Công lập		Dân lập		Weighted mean	
	Mean	ID	Mean	ID	Mean	ID
A1. Có bằng cử nhân tiếng Anh trở lên	2.57	Good	3.14	Good	2.86	Good
A2. Đã được đào tạo kiến thức ESP	3.62	Very good	3.84	very good	3.73	very good
A3. Có kinh nghiệm trong giảng dạy ESP	3.34	Good	3.42	Good	3.38	Good
A4. Có kỹ năng sư phạm	3.16	Good	3.38	very good	3.27	very good
A5. Có trách nhiệm với công việc giảng dạy	2.54	Good	3.68	very good	3.11	Good
A6. Có kỹ năng giao tiếp với học viên	2.48	Good	3.54	very good	3.01	Good
A7. Tận tâm nhiệt huyết trong giảng dạy, luôn vì sự tiến bộ của học viên	2.45	Poor	3.76	very good	3.11	Good
Average	2.88	Good	3.54	very good	3.21	Good

(Nguồn: Xử lý số liệu khảo sát của nghiên cứu)

dạy, và sự tiến bộ của học sinh" của các giáo viên cơ sở công lập với mức điểm thấp nhất 2.45- "Poor". Tất cả các yếu tố như: kinh nghiệm giảng dạy, trách nhiệm và có kỹ năng giao tiếp với học viên được đánh giá là tốt. Trong khi đó người học đánh giá đội ngũ giáo viên của cơ sở ngoài công lập với điểm cao nhất cho mục A2: "Đã được đào tạo kiến thức ESP" với WM= 3.84 (very good), nhưng cho điểm thấp nhất mục A1: Có bằng cử nhân tiếng Anh trở lên với WM= 3.14 (good). Tất cả người học đều

Bảng 2. Đánh giá của học viên về Chương trình đào tạo (CTĐT)

B. Chương trình đào tạo ESP	Công lập		Dân lập		Weighted mean	
	Mean	ID	Mean	ID	Mean	ID
B1. CTĐT phù hợp với mục tiêu và yêu cầu của khối ngành kinh tế và Quản trị kinh doanh (QTKD)	2.46	Poor	3.37	very good	2.92	Good
B2. CTĐT xác định rõ kiến thức, kỹ năng, thái độ mà người học cần đạt sau khóa học	2.61	Good	3.38	very good	3.00	Good
B3. CTĐT đảm bảo sự hợp lý giữa các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết	2.31	Poor	3.66	very good	2.99	Good
B4. Chương trình tích hợp các chủ đề thực tiễn trong kinh doanh và thương mại	3.16	Good	3.75	very good	3.46	very good
B5. Chương trình cung cấp các cấu trúc, hiện tượng ngữ pháp liên quan đến nội dung học tập	3.23	Good	3.66	very good	3.45	very good
B6. CTĐT tạo ra cơ hội học tập và giao lưu, giúp người học tham gia và phát huy tối đa khả năng của bản thân	1.68	Very Poor	3.42	very good	2.55	Good
Average	2.58	Good	3.54	very good	3.06	Good

(Nguồn: Xử lý số liệu khảo sát của nghiên cứu)

đánh giá đội ngũ giáo viên của các cơ sở ngoài công lập đáp ứng rất tốt về kinh nghiệm giảng dạy, kỹ năng giao tiếp, trách nhiệm, phương pháp sư phạm và sự tận tâm, nhiệt huyết giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành kinh tế.

3.2. Chương trình đào tạo

Khi đánh giá về chương trình đào tạo các học viên của trường công lập cho điểm cao nhất là 3.23 về mục B5: “Chương trình cung cấp các cấu trúc, hiện tượng ngữ pháp liên quan đến nội dung học tập”, họ đánh giá thấp nhất 1.68 (very poor) cho mục B6: “CTĐT tạo ra cơ hội học tập và giao lưu, giúp người học tham gia và phát huy tối đa khả năng của bản thân”. Học viên của các trường công lập đánh giá tốt mục B2: “CTĐT đã xác định rõ kiến thức, kỹ năng, thái độ mà người học cần đạt sau khóa học” và mục B5: “Chương trình cung cấp các cấu trúc, hiện tượng ngữ pháp liên quan đến nội dung học tập”. Tuy nhiên, họ cho rằng mức độ “phù hợp với mục tiêu và yêu cầu của khối ngành kinh tế và QTKD”: B1 và “sự hợp lý giữa các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết”: B3 chỉ đạt mức yếu (nghĩa là, CTĐT chưa đáp ứng đủ yêu cầu của người học).

Trong khi đó, đánh giá về chương trình đào tạo tại các cơ sở ngoài công lập, các học viên đều cho rằng chương trình đào tạo ESP tại đây đã hoàn toàn đáp ứng được nhu cầu học TACN của họ. Nhìn chung, chương trình đào tạo tiếng Anh chuyên ngành của các trường Công lập chưa đáp ứng đủ nhu cầu của người học, thời lượng đào tạo tiếng Anh tại các trường tuân thủ đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, sĩ số trung bình trong một lớp là khoảng 45 sinh viên, khá đông so với yêu cầu của một lớp học ngoại ngữ, việc tổ chức giảng dạy ngoại ngữ tại các trường được quản lý khá chặt chẽ nhưng mang nặng tính hành chính mà không dựa vào nhu cầu thật của sinh viên (học đúng theo thời lượng quy định, dự lớp bắt buộc, thi bắt buộc, đa số không tổ chức xếp lớp theo trình độ tiếng Anh mà theo lớp học của chuyên ngành chính. Trong khi đó, sự chênh lệch rất lớn về trình độ đầu vào của sinh viên đòi hỏi phải có một cách tổ chức giảng dạy linh hoạt với phương châm lấy người học làm trung tâm. Cách tổ chức giảng dạy không phù hợp với người học có lẽ chính là nguyên nhân của hiệu quả đào tạo thấp như đã thấy qua kết quả kiểm tra trình độ của sinh viên. Để có một chất lượng tốt trong đào tạo TACN rất cần một chương trình đào tạo tiên tiến. Các trung tâm Ngoại ngữ đã đầu tư rất tốt về

Bảng 3. Đánh giá của học viên về trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ đào tạo tiếng Anh chuyên ngành

C. Cơ sở vật chất	Công lập		Dân lập		Weighted mean	
	Mean	ID	Mean	ID	Mean	ID
C1. Phòng học có chỗ ngồi rộng rãi và đảm bảo các tiêu chuẩn về ánh sáng	3.46	Very good	3.34	very good	3.40	very good
C2. Phòng học có quạt và điều hòa	2.35	Poor	3.66	very good	3.01	Good
C3. Phòng học có hệ thống máy tính, hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng nhu cầu học tập và giảng dạy	1.73	Very Poor	3.82	very good	2.78	Good
C4. Phòng học có đầy đủ trang thiết bị phục vụ cho việc thực hành các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết	1.67	Very Poor	3.62	very good	2.65	Good
C5. Có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo đáp ứng nhu cầu của người học	1.78	Poor	3.72	very good	2.75	Good
Average	2.20	Poor	3.63	very good	2.92	Good

(Nguồn: Xử lý số liệu khảo sát của nghiên cứu)

chương trình đào tạo, đáp ứng rất tốt các nhu cầu học tập của các đối tượng.

3.3. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Học viên của các cơ sở đào tạo công lập đánh giá cao nhất WM= 3.46 (good) cho tiêu chí C1: “Phòng học có chỗ ngồi rộng rãi và đảm bảo các tiêu chuẩn về ánh sáng”. Họ đánh giá thấp nhất WM= 1.67 (very poor) cho tiêu chí C4 về trang thiết bị phục vụ cho việc thực hành các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Học viên của các cơ sở ngoài công lập (trung tâm ngoại ngữ) đánh giá cao nhất WM= 3.82 (very good) cho tiêu chí C3: liên quan đến hệ thống máy tính, hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng nhu cầu học tập và giảng dạy. Họ đánh giá thấp nhất WM= 3.34 (very good) cho tiêu chí C1 về chỗ ngồi và ánh sáng của phòng học. Trang thiết bị phục vụ cho việc thực hành các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Các tiêu chí liên quan đến sách, giáo trình, tài liệu tham khảo đáp ứng nhu cầu của người học, các thiết bị làm mát trong phòng học và trang thiết bị phục vụ cho việc thực hành các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết đều được đánh giá rất cao.

Trong quá trình nghiên cứu tác giả nhận thấy các trung tâm Ngoại ngữ luôn luôn dạy theo nhóm sinh viên có trình độ tương ứng, kiểm tra trình độ tiếng Anh trước rồi xếp lớp sau, mỗi nhóm có số lượng nhỏ hơn 20 học viên. Trong khi đó, các trường đại học lại xếp lớp một cách ngẫu nhiên, số lượng mỗi lớp rất đông và thường từ 40 -70 em. Các trường

Bảng 4. Đánh giá của học viên về mức học phí và thời gian học TACN

D. Học phí và thời gian	Công lập		Dân lập		Weighted mean	
	Mean	ID	Mean	ID	Mean	ID
D1. Học phí của khóa học tương xứng với chất lượng và thời gian đào tạo	2.59	Good	3.72	very good	3.16	Good
D2. Mức học phí phù hợp với điều kiện của học viên	3.66	very good	1.76	Average	2.71	Good
D3. Thời khóa biểu học tập phù hợp để học viên tham gia	2.78	Good	3.86	very good	3.32	very good
D4. Thời lượng học đảm bảo theo yêu cầu khóa học	1.98	Poor	2.42	Poor	2.20	Poor
D5. Các hình thức giảng dạy đa dạng: online, offline	1.66	Very Poor	3.72	very good	2.69	Poor
D6. Số lượng sinh viên trong mỗi lớp học phù hợp với yêu cầu và tính đặc thù của môn tiếng Anh	1.67	Very Poor	3.26	very good	2.47	Poor
D7. Việc xếp lớp theo trình độ tương đối đồng đều được thực hiện tốt	1.69	Very Poor	3.82	very good	2.76	Good
Average	2.29	Poor	3.22	Good	2.76	Good

(Nguồn: Xử lý số liệu khảo sát của nghiên cứu)

công lập có các phòng học rất rộng rãi, thoáng mát nhưng thiết bị nghèo nàn lạc hậu: Các phòng học chỉ có quạt chứ không có điều hòa không khí, ... Tuy nhiên, các thiết bị cho việc học tiếng Anh tại các Trung tâm ngoại ngữ được đầu tư đầy đủ, hiện đại và được các học viên đánh giá đáp ứng rất tốt cho việc học TACN.

3.4. Học phí và thời gian học

Học viên của các cơ sở đào tạo công lập đánh giá cao nhất WM= 3.66 (very good) cho tiêu chí D2: "mức học phí phù hợp với điều kiện của học viên". Họ đánh giá thấp nhất WM= 1.66 (very poor) cho tiêu chí D5 về các hình thức giảng dạy đa dạng: online, offline. Thời khóa biểu học tập, học phí và thời lượng của khóa học đảm bảo theo yêu cầu khóa học trong khi các tiêu chí như sắp xếp số học viên mỗi lớp và mức độ đồng đều của học viên mỗi lớp được đánh giá rất thấp với mức điểm tương ứng 1.67 và 1.69 (very poor).

Học viên của các cơ sở đào tạo ngoài công lập đánh giá cao nhất WM= 3.86 (very good) cho tiêu chí D3: thời khóa biểu học tập. Họ đánh giá thấp nhất WM= 1.76 (average) cho tiêu chí D2 về mức học phí phù hợp với điều kiện của học viên. Họ cho rằng học phí của khóa học tương xứng với chất lượng và thời gian đào tạo, các hình thức giảng dạy đa dạng: online, offline và thời lượng học đảm bảo theo yêu cầu khóa học.

Thời lượng đào tạo tiếng Anh tại các trường đại học không đủ để đào tạo 100% sinh viên của trường khi ra trường có trình độ mà các nhà tuyển dụng yêu cầu. Thực tế cho thấy cả giảng viên và sinh viên ở các trường đều không có đủ thời gian để đào tạo và tiếp thu kiến thức một cách trọn vẹn. Thời gian và thời khóa biểu cứng nhắc chỉ phù hợp với các em sinh viên, rất khó đáp ứng cho các đối tượng là người lao động đã đi làm. Trong khi đó, tại các trung tâm thời gian học linh hoạt, cùng một chương trình có các lớp với các thời gian học khác nhau trong tuần để người học được lựa chọn, thậm chí họ có thể theo học nhiều lần ở nhiều lớp có cùng chương trình.

4. Kết luận

Các học viên khi tham gia khóa học tiếng Anh chuyên ngành đều kỳ vọng và mong muốn một khóa học với đội ngũ giáo viên có chất lượng cao, chương trình đào tạo hiện đại và đa dạng. Các cơ sở đào tạo công lập cần thiết xây dựng hình ảnh khác biệt đáng tin cậy với đội ngũ giảng viên có trình độ được đào tạo bài bản, chất lượng cao, nhiệt tình và thân thiện. Ngoài ra, cơ sở vật chất cũng cần được quan tâm, được bảo trì và sửa chữa kịp thời. Các nhóm tuổi quan tâm đến khóa học ESP khá trẻ và nhiều người trong số họ không có thu nhập hoặc thu nhập thấp nên cần đưa ra mức học phí hợp lý và cung cấp một số phần học bổng cho những học viên giỏi để tạo động lực và hỗ trợ người học đạt được mục tiêu học tập phục vụ cho công việc của họ. Cuối cùng, tiếp tục phát triển mô hình đào tạo tiếng Anh lấy học viên làm trung tâm kết hợp với sự phân tích kỹ lưỡng về nhu cầu thực sự của học viên để từ đó thiết kế một chương trình sao cho đạt được kết quả tối ưu và đáp ứng tốt nhu cầu của xã hội sẽ giúp tiết kiệm chi phí và công sức của các cơ sở đào tạo và đồng thời tạo ra một xã hội có nguồn nhân lực chất lượng cao, thành thạo ngoại ngữ để bắt kịp với xu thế hiện đại hóa và toàn cầu hóa. □

Tài liệu tham khảo

- Bracaj, M. M. (2014). Teaching English for Specific Purposes and Teacher Training. *European Scientific Journal*, 10 (2), 40-49.
- Duc Hoan Ho (2017). Determinant factors of student's decisions on choosing an English center.
- Momtazur Rahman (2015) *English for Specific Purposes (ESP): A Holistic Review* Mark Schneider November, (2002). *National Clearinghouse for Educational Facilities*, www.edfacilities.org.
- Nguyễn Thị Tố Hoa & Phạm Thị Tuyết Mai (2016) from Vietnam National University, Hanoi, Vietnam conducted a study "Difficulties in Teaching English for Specific Purposes: Empirical Study at Vietnam Universities".